

Bản án số: 04/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 18- 02- 2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời.

2. Bà Võ Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Lan – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST- HPT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Tổ 64, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Dương Ngọc H, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: K62/34/10 đường N, Tổ 64 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Dương Ngọc H vào năm 2016, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2017.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Nguyễn Thị T trình bày là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, ông H thường cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác vợ chồng sống với nhau đã lâu mà không có con chung làm cho cuộc sống của vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Dương Ngọc H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Dương Ngọc H đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông Dương Ngọc H không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Dương Ngọc H. Đề nghị HĐXX xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Dương Ngọc H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có con chung nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn. Bị đơn đang cư trú tại K62/34/10 đường Nguyễn Phan Vinh, Tổ 64 phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn và bị đơn xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, bị đơn thường cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác vợ chồng sống với nhau đã lâu mà không có con chung làm cho cuộc sống của vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyên vọng của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn. Còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành. Điều này thể hiện bị đơn vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bị đơn không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với nguyên đơn nữa, mặt khác mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi ông, bà đang cư trú cung cấp là hai ông bà không còn sống chung với nhau nữa, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51,

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về con chung: Nguyên đơn xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ‘Ly hôn’ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Dương Ngọc H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Dương Ngọc H (Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 12/4/2017, tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

2. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0002991 ngày 22 tháng 10 năm 2024.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết